

NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ, QUY CHẾ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY NĂM 2018

TỔNG CÔNG TY TNHH KHOÁNG SẢN - TKV ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY:

TT	Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ	Đề xuất
1	Căn cứ: Không có nội dung này		<p>NĐ</p> <p>71/2017/NĐ-CP và TT 95/2017/TT-BTC</p>	TCLĐ
2	Khoản 1, Điều 1. Giải thích từ ngữ, thuật ngữ trong Điều lệ	<p>l) "Vốn điều lệ" có nghĩa là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại điều 5 của Điều lệ này.</p> <p>n) Không có nội dung này</p> <p>q) Không có nội dung này</p> <p>r) Không có nội dung này</p> <p>t) Không có nội dung này</p> <p>u) Không có nội dung này</p>	<p>Khoản 1, Điều 1. Giải thích từ ngữ, thuật ngữ trong Điều lệ</p> <p>l) "Vốn điều lệ" có nghĩa là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.</p> <p>n) "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010.</p> <p>q) "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>r) "Thành viên HĐQT không điều hành" (gọi tắt là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>t) "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại Khoản 9 Điều 6 Luật Chứng khoán.</p> <p>u) "Quản trị công ty" là hệ thống các nguyên tắc được quy định tại Khoản 1, Điều 2 của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.</p>	TCLĐ
3	Khoản 6, Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng Công ty	<p>6. Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.</p>	<p>Khoản 6, Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng Công ty</p> <p>6. Tổng công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tuân theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	TCLĐ, QTK

4	Khoản 1, Điều 4. Phạm vi hoạt động và kinh doanh Tổng Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu được các mục tiêu của Tổng Công ty.	Khoản 1, Điều 4. Phạm vi hoạt động và kinh doanh Tổng Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Tổng Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng Công ty.	Khoản 1, Điều 5, TT 95	QTK
5	Khoản 1, Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần Tổng Công ty có thể tăng vốn điều lệ, thay đổi mức vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.	Khoản 1, Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần Tổng Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.	Khoản 2, Điều 6, TT 95	QTK
6	Khoản 6, Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần Theo quyết định của Đại hội cổ đông, Tổng Công ty có thể mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định tại Điều 130 Luật doanh nghiệp. Cổ phần được Tổng Công ty mua lại được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4, Điều 111 Luật doanh nghiệp. HĐQT có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan. Trường hợp HĐQT không thực hiện chào bán, Tổng Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.	Khoản 6, Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần Theo quyết định của Đại hội cổ đông, Tổng Công ty có thể mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định tại Điều 130 Luật doanh nghiệp. Cổ phần được Tổng Công ty mua lại được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4, Điều 111 Luật doanh nghiệp. Cổ phần do Tổng Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và HĐQT có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan. Trường hợp HĐQT không thực hiện chào bán, Tổng Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Tổng Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.	Khoản 7, Điều 6 DL mẫu	TCLĐ
7	Khoản 3, Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu, sổ đăng ký cổ đông 3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu số cổ phần không phải trả cho Tổng Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.	Khoản 3, Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu, sổ đăng ký cổ đông 3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu số cổ phần không phải trả cho Tổng Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.	Khoản 3 Điều 7 Điều lệ mẫu	TVL
8	Khoản 4, Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu, sổ đăng ký cổ	Khoản 4, Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu, sổ đăng ký cổ	Khoản 4	TVL

	đồng 4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng Công ty cấp lại phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây: ...	đồng 4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng Công ty cấp lại phiếu theo đề nghị của cổ đông đó với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Tổng Công ty. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây: ...	Điều 7 Điều lệ mẫu	
9	Khoản 2, Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần 2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền biểu quyết, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.	Khoản 2, Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần 2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền biểu quyết, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.	Khoản 2 Điều 9 Điều lệ mẫu	TVL
10	Điều g, Khoản 2, Điều 11. Quyền của cổ đông g) Trường hợp Tổng Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Tổng Công ty sau khi Tổng Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật;	Điều g, Khoản 2, Điều 11. Quyền của cổ đông g) Trường hợp Tổng Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Tổng Công ty sau khi Tổng Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật;	Điều h, khoản 2, Điều 12 DL mẫu	TCLĐ
11	Khoản 5, Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông 5. Tham dự các cuộc họp ĐHCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.	Khoản 5, Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông 5. Tham dự các cuộc họp ĐHCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. <i>Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</i>	Điều d, khoản 2, Điều 13 DL mẫu	TCLĐ
12	Khoản 2, Điều 13. Hợp ĐHCĐ 2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp nhưng phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. ĐHCĐ thường niên quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ này quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Tổng Công ty và kế hoạch tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Theo sự chấp thuận của HĐQT, các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự ĐHCĐ để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.	Khoản 2, Điều 13. Hợp ĐHCĐ 2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp nhưng phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. ĐHCĐ thường niên quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ này quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Tổng Công ty và kế hoạch tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Theo sự chấp thuận của HĐQT, các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự ĐHCĐ để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty có Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có	Khoản 2, Điều 14 DL mẫu	TCLĐ

		<i>các khoản ngoại trừ trọng yếu.</i>		
13	<p>Khoản 3, Điều 13. Căn cứ triệu tập họp ĐHĐCĐ</p> <p>c) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất từ 30% trở lên so với số đầu kỳ;</p> <p>d) Khi số thành viên còn lại của HĐQT, BKS ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn 2/3 số thành viên quy định trong Điều lệ này;</p>	<p>Khoản 3, Điều 13. Căn cứ triệu tập họp ĐHĐCĐ</p> <p>c) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm đã được kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) trở lên so với số đầu kỳ;</p> <p>d) Khi số thành viên còn lại của HĐQT, BKS ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này.</p>	<p>Khoản 3, Điều 14, TT 95;</p> <p>K3, Đ 156 LDN</p>	TCLĐ, QTK
14	<p>Điểm d, Khoản 2 Điều 14. Quyền và nhiệm vụ ĐHĐCĐ</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:</p> <p>...</p> <p>d) Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;</p> <p>...</p>	<p>Điểm d, Khoản 2 Điều 14. Quyền và nhiệm vụ ĐHĐCĐ</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:</p> <p>...</p> <p>d) Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;</p> <p>...</p>	Điểm d Khoản 2 Điều 15 Điều lệ mẫu	TVL
15	<p>Điểm h, Khoản 2, Điều 14. Quyền và nhiệm vụ ĐHĐCĐ</p> <p>h) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước đó phù hợp với quy định của pháp luật; và trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do Tổng Công ty mua lại cổ phần theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông nhưng không thực hiện chào bán.</p>	<p>Điểm h, Khoản 2, Điều 14. Quyền và nhiệm vụ ĐHĐCĐ</p> <p>h) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước đó phù hợp với quy định của pháp luật; và trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do Tổng Công ty mua lại cổ phần theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông nhưng không thực hiện chào bán; thông qua, sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.</p>	Điều 7 NB 71/2017/NĐ-CP	TCLĐ
16	<p>Khoản 1 Điều 16. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 51% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.</p>	<p>Khoản 1 Điều 16. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.</p>	Khoản 1 Điều 17 Điều lệ mẫu	QTK, TVL
17	<p>Điểm a, Khoản 2, Điều 17. Triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp và thông báo họp ĐHĐCĐ</p> <p>a) Dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Tổng Công ty, chuẩn bị và chốt danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi Thông báo mời họp cổ đông; chuẩn bị chương trình họp, và các tài liệu phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p>	<p>Điểm a, Khoản 2, Điều 17. Triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp và thông báo họp ĐHĐCĐ</p> <p>a) Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Chốt danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi Thông báo mời họp. Thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông Tổng công ty phải quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty; Chuẩn bị chương</p>	Điều 8 NB 71/2017/NĐ-CP	TCLĐ

	trình hợp, và các tài liệu phù hợp với luật pháp và các quy định của Tổng Công ty;		
	<p>Khoản 3, Điều 17. Triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp và thông báo họp ĐHĐCĐ</p> <p>3. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp cổ phiếu Tổng Công ty đã được đăng ký giao dịch hoặc niêm yết), trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng Công ty. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ phải được gửi ít nhất 15 ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại ĐHĐCĐ được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a. <i>Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</i></p> <p>b. <i>Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</i></p> <p>c. <i>Phiếu biểu quyết;</i></p> <p>d. <i>Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;</i></p> <p>e. <i>Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</i></p>	Khoản 3, Điều 18 DL mẫu	TCLĐ
18	<p>Khoản 3, Điều 17. Triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp và thông báo họp ĐHĐCĐ</p> <p>3. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp cổ phiếu Tổng Công ty đã được đăng ký giao dịch hoặc niêm yết), trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng Công ty. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ phải được gửi ít nhất 15 ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại ĐHĐCĐ được gửi cho các cổ đông hoặc và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</p>		
19	<p>Khoản 1, Điều 19. Thể thức họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ</p> <p>1. Trước hoặc vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ, Tổng Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. <i>Thời gian thực hiện việc đăng ký do HĐQT quyết định.</i></p>	Khoản 1, Điều 20, TT 95;	QTK
20	<p>Khoản 6, Điều 19. Thể thức họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ</p> <p>6. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành</p>	Điều 8 ND 71/2017/ND-CP	QTK

	hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.	hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. <i>Việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ động có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tối nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác, được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.</i>		
21	<p>Khoản 7, Điều 19. Thể thức hợp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ</p> <p>7. Chủ tọa ĐHĐCĐ có thể hoãn họp ĐHĐCĐ ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của ĐHĐCĐ nếu nhận thấy rằng</p> <p>(a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức cuộc họp, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp, (c) các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết hoặc (d) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của cuộc họp được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa cuộc họp có thể hoãn cuộc họp khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại cuộc họp bị trì hoãn trước đó.</p>	<p>Khoản 7, Điều 19. Thể thức hợp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ</p> <p>7. Chủ tọa ĐHĐCĐ có thể hoãn họp ĐHĐCĐ khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số đại biểu cần thiết theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:</p> <p>(a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức cuộc họp, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp, (c) các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết hoặc (d) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của cuộc họp được tiến hành một cách hợp lệ.. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc cuộc họp.</p>	Khoản 7, TT Điều 20, TT 95; Và K8, Đ 142 LDN	QTK
22	<p>Khoản 6 Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng VB để thông qua NQ ĐHĐCĐ</p> <p>Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu (trường hợp Tổng Công ty chưa có website) hoặc phải công bố trên website của Tổng Công ty trong vòng 24 giờ.</p>	<p>Khoản 6 Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng VB để thông qua NQ ĐHĐCĐ</p> <p>Biên bản kết quả kiểm phiếu phải công bố trên website của Tổng Công ty trong vòng 24 giờ.</p>	Nên sửa đổi nội dung này vì Tổng công ty đã có website	TVL
23	<p>Khoản 2, Điều 22. Biên bản họp ĐHĐCĐ</p> <p>2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp (trường hợp Tổng công ty chưa có website) hoặc phải được công bố trên website của</p>	<p>Khoản 2, Điều 22. Biên bản họp ĐHĐCĐ</p> <p>2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và phải được công bố trên website của Tổng Công ty trong vòng 24 giờ.</p>	Nên sửa đổi nội dung này vì Tổng công ty đã có website	TVL

	Tổng Công ty trong vòng 24 giờ.	Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ NQ của ĐHĐCĐ Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3, Điều 11 Điều lệ này, có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty. 2. Trình tự, thủ tục ra nghị quyết và nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng Công ty. Trường hợp nghị quyết của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp ĐHĐCĐ trong vòng 15 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.	Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ NQ của ĐHĐCĐ Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3, Điều 11 Điều lệ này, có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, ra nghị quyết không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty. 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng Công ty. Trường hợp nghị quyết của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp ĐHĐCĐ trong vòng 15 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.	Điều 24 DL mẫu	TCLĐ, TVL
24		Khoản 1, Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 5 người do ĐHĐCĐ bầu và bãi miễn. Số thành viên HĐQT không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Nếu Tổng công ty đã niêm yết, tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Tổng Công ty.	Khoản 1, Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 5 người do ĐHĐCĐ bầu và bãi miễn. Số thành viên HĐQT không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Nếu Tổng công ty đã niêm yết, tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Tổng Công ty.	Khoản 3, Điều 12 ND 71/2017/ND-CP và Khoản 2, Điều 26 TT 95	TCLĐ
25		Khoản 5, Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT 5. Giới thiệu, đề cử vào HĐQT. 5.1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty để cổ	Khoản 5, Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT 5. Giới thiệu, đề cử vào HĐQT. 5.1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty để cổ	Điều 25, DL mẫu	TCLĐ
26					

<p>được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên.</p>	<p>đồng có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <p>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p>b. Trình độ học vấn;</p> <p>c. Trình độ chuyên môn;</p> <p>d. Quá trình công tác;</p> <p>e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;</p> <p>f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Tổng Công ty;</p> <p>g. Các lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty (nếu có);</p> <p>h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</p> <p>i. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>Tổng công ty phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p> <p>5.2. Các cổ đông nắm giữ ít hơn 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền góp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng cử viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên.</p>	<p>Khoản 6, Điều 25. Ứng cử thành viên HĐQT</p> <p>6. Trường hợp số lượng các ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và tự ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề</p>	<p>Khoản 3, Điều 25 DL mẫu</p>	<p>TCLD & TVL</p>
<p>27</p>				

	cử theo một cơ chế do Tổng Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.	cử theo một cơ chế do Tổng Công ty quy định. Thủ tục Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.		
28	<p>Điểm (c, d, h) Khoản 7, Điều 25. Không còn tư cách thành viên HĐQT</p> <p>c) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;</p> <p>d) Vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của HĐQT và HĐQT đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>h) không có</p>	<p>Điểm (c, d, h) Khoản 7, Điều 25. Không còn tư cách thành viên HĐQT</p> <p>c) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d) Vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của HĐQT trừ trường hợp bất khả kháng và HĐQT đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>h) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tổng công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</p>	Khoản 3, Điều 26 DL mẫu	TCLD
29	<p>Khoản 8, Điều 25. Bầu thay thế HĐQT</p> <p>8. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên HĐQT mới để thay thế chỗ trống phát sinh trong HĐQT và thành viên này phải được chấp thuận tại ĐHĐCĐ ngay tiếp sau đó. Sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được ĐHĐCĐ chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra ĐHĐCĐ có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</p>	<p>Khoản 8, Điều 25. Bầu thay thế HĐQT</p> <p>Đề nghị bỏ</p>	Thẩm quyền bầu HĐQT thuộc ĐHĐCĐ. NĐ 71/2017/NĐ-CP và DL mẫu không quy định nội dung này.	TCLD
30	<p>Điểm (d, h) Khoản 3, Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ HĐQT</p> <p>d) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty; quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể công ty con do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ; thành lập, tổ chức lại, chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng Công ty;</p>	<p>Điểm (d, h) Khoản 3, Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ HĐQT</p> <p>d) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty; Quyết định ban hành quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua; quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể công ty con do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ; thành lập, tổ chức lại, chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng Công ty;</p>	Điểm h, khoản 2, Điều 27 DL mẫu	TCLD

	Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán theo đề nghị của Tổng Giám đốc công ty.	Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần dưới 35% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán theo đề nghị của Tổng Giám đốc Tổng công ty.	TCKT
	h) Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; Quyết định giá chào bán cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;	h) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; Quyết định giá chào bán cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;	Điều 127 LDN
31	<p>Điều 9 Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ HĐQT</p> <p>Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn</p> <p>d) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh hoặc vượt quá 10 % giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm; (giá trị cụ thể do HĐQT quyết định)</p> <p>e) Việc định giá các tài sản góp vào Tổng Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p>	<p>Điều (d, e) Khoản 4, Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ HĐQT</p> <p>Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn</p> <p>d) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh hoặc vượt quá 10 % giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm; (giá trị cụ thể do HĐQT quyết định)</p> <p>e) Việc định giá các tài sản góp vào Tổng Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu chuyển đổi của Tổng Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p>	<p>Điều f, Khoản 3, Điều 27, TT 95;</p> <p>TCKT</p>
32	<p>Khoản 9 Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ HĐQT</p> <p>9. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và quyết định của ĐHCĐ. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Tổng Công ty gây thiệt hại cho Tổng Công ty thì các thành viên HĐQT chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty liên tục trong thời hạn ít nhất sáu tháng có quyền yêu cầu HĐQT đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.</p>	<p>Khoản 9 Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ HĐQT</p> <p>9. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và quyết định của ĐHCĐ. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Tổng Công ty gây thiệt hại cho Tổng Công ty thì các thành viên HĐQT chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu HĐQT đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.</p>	<p>Khoản 4 Điều 149 LDN 2014</p> <p>TVL</p>
33	<p>Khoản 11, Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ HĐQT</p> <p>11. Tổng số tiền trả cho các thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác</p>	<p>Khoản 11, Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ HĐQT</p> <p>11. Tổng số tiền trả cho các thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác</p>	<p>Khoản 2, Điều 28, ĐL mẫu</p> <p>TCLD</p>

	mã thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Tổng Công ty.	mã thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Tổng Công ty. Thủ lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Tổng Công ty.		
34	<p>Khoản 1, Điều 27. Chủ tịch HĐQT</p> <p>1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu ra Chủ tịch HĐQT. Chủ tịch HĐQT sẽ không kiêm chức Tổng Giám đốc của Tổng công ty.</p>	<p>Khoản 1, Điều 27. Chủ tịch HĐQT</p> <p>1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu ra Chủ tịch HĐQT. Chủ tịch HĐQT sẽ không kiêm chức Tổng Giám đốc của Tổng công ty.</p>	Khoản 2, Điều 12 ND 71/2017/ND-CP	TCLD
35	<p>Khoản 1, Điều 31. Bổ nhiệm, bãi miễn, nhiệm vụ và quyền hạn TGD</p> <p>1. Bổ nhiệm: HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc và quyết định hoặc ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong ĐHĐCĐ thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Tổng Công ty.</p>	<p>Khoản 1, Điều 31. Bổ nhiệm, bãi miễn, nhiệm vụ và quyền hạn TGD</p> <p>1. Bổ nhiệm: HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc và quyết định hoặc ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong ĐHĐCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong báo cáo thường niên của Tổng Công ty.</p>	Khoản 1, Điều 35 ĐL mẫu	TCLD
36	<p>Điều 32. Thư ký TCCTy</p> <p>1. HĐQT chỉ định một hoặc một số người làm Thư ký Tổng Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản về thù lao, quyền lợi và nhiệm vụ theo quyết định của HĐQT, đồng thời có thể bãi nhiệm vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái với các quy định pháp luật về lao động hiện hành.2. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Chuẩn bị các cuộc họp của HĐQT, Ban kiểm soát và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát; b) Làm biên bản các cuộc họp; c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; d) Tham dự các cuộc họp; đ) Đảm bảo các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp. e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và BKS; <p>3. Thư ký có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định</p>	<p>Điều 32. Người phụ trách quản trị TCty kiêm thư ký TCty</p> <p>1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Tổng công ty kiêm thư ký TCty để hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị kiêm thư ký Tổng công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị kiêm thư ký Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Có hiểu biết về pháp luật; b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty; c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị. <p>3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị kiêm thư ký Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị kiêm thư ký</p>	Điều 32, TT 95 ĐLM	TCLD, QTK

	của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.	<p>Tổng công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>4. Người phụ trách quản trị kiểm tra ký Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng Công ty và cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty.</p> <p>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;</p> <p>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.</p>			
37	<p>Khoản 3, 4, Điều 33. Thành viên BKS</p> <p>3. Các thành viên trong Ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên. Các thành viên BKS không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty và phải có hơn một nửa số thành viên thường trú tại Việt Nam.</p> <p>4. Ban kiểm soát phải bầu một thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán hoặc kiểm soát viên chuyên nghiệp</p>	<p>Khoản 3, Điều 33. Thành viên BKS</p> <p>3. Các thành viên trong Ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên. Các thành viên BKS không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty trong ba (03) năm liên tiếp trước đó và phải có hơn một nửa số thành viên thường trú tại Việt Nam.</p> <p>4. Ban kiểm soát phải bầu một thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm soát viên chuyên nghiệp</p>	Điểm b. Khoản 2, Điều 37, TT 95	QTK	
38	<p>Điểm (a, h) Khoản 1, Điều 34. Quyền và nhiệm vụ BKS</p> <p>a. Giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHQĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;</p>	<p>Điểm (a, h) Khoản 1, Điều 34. Quyền và nhiệm vụ BKS</p> <p>a) Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng Giám đốc và cổ đông; chịu trách nhiệm trước ĐHQĐ trong việc thực</p>	Điểm c, d khoản 1, Điều 38 DL mẫu	TCLĐ	

	<p>h. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	hiện các nhiệm vụ được giao;
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>h) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	

	<p>a) Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQT hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, HĐQT hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan; hoặc</p> <p>b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Tổng Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc một tiểu ban trực thuộc HĐQT hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.</p>	<p>tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p> <p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng [hai mươi phần trăm(20%)] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn [hai mươi phần trăm(20%)] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc</p>
--	---	---

	công bố của Tổng Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.	tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.		
40	Khoản 4 Điều 46. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 4. Mọi cổ đông đều có quyền được Tổng Công ty cấp một bản Điều lệ Tổng Công ty miễn phí (trường hợp Tổng Công ty chưa có website). Nếu Tổng Công ty có website, Điều lệ Tổng Công ty phải được công bố trên website của Tổng Công ty.	Khoản 4 Điều 46. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 4. Điều lệ Tổng Công ty phải được công bố trên website của Tổng Công ty.	Nên sửa đổi nội dung này vì Tổng công ty đã có website	TVL
41	Khoản 4, Điều 54. Báo cáo hàng năm, 6 tháng và hàng quý 4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông. Trường hợp Tổng công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Tổng công ty phải được công bố trên website đó.	Khoản 4, Điều 54. Báo cáo hàng năm, 6 tháng và hàng quý 4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông. Các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Tổng công ty phải được công bố trên website.	Nên sửa đổi nội dung này vì Tổng công ty đã có website	TVL
42	Khoản 1 Điều 63. Hiệu lực thi hành 1. Bản Điều lệ này gồm XIV chương và 63 điều, được ĐHĐCĐ thành lập Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP nhất trí thông qua ngày 18 tháng 9 năm 2015 và được sửa đổi, bổ sung lần thứ hai theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2016 ngày 13/8/2016 tại 193 Nguyễn Huy Tường, Thanh Xuân, Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực thi hành của Điều lệ này.	Khoản 1 Điều 63. Hiệu lực thi hành 1. Bản Điều lệ này gồm XIV chương và --- điều, được ĐHĐCĐ thành lập Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP nhất trí thông qua và được sửa đổi, bổ sung lần thứ ba theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 tại 193 Nguyễn Huy Tường, Thanh Xuân, Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.		TVL

II. QUY CHẾ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY:

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Ghi chú	Đề xuất
1	Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh Không có nội dung này	Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh Quy chế nội bộ về quản trị công ty được Hội đồng quản trị xây dựng, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quy chế nội bộ về quản trị công ty không được trái với quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.	ND 71	TCLD
2	Điều 3. Quyền của cổ đông Điểm c, Khoản 4 (không có) Khoản 6) (không có)	Điều 3. Quyền của cổ đông Điểm c, Khoản 4 c) Cổ đông có quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật. Khoản 6) Cổ đông lớn có nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau: a) Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh	Điểm b, khoản 1, Đ4, ND 71 Điều 5, ND 71	QTK

		<i>hường đến quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.b) Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.</i>		
3	<p>Khoản 1, Điều 4 - Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ:</p> <p>“1. Tổng công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi năm một lần. Hội đồng quản trị (HĐQT) triệu tập Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên trong thời hạn không quá 04 tháng kể từ khi kết thúc năm tài chính theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 13 Điều lệ Tổng công ty. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 Điều lệ Tổng công ty. <i>Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</i> Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông phải bao gồm Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại ĐHĐCĐ.”</p>	<p>Khoản 4, Điều 4. Mời họp ĐHĐCĐ</p> <p>4. Trong điều kiện bình thường, thông báo mời họp ĐHĐCĐ phải được gửi ít nhất 15 ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). <i>Chương trình họp Đại hội, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho cổ đông hoặc/ và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không gửi kèm theo Thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu hồ để các cổ đông có quyền tiếp cận theo quy định tại Điều lệ Công ty.</i></p>	Điều 8 ND 71/2017/ND-CP	TCLĐ
4	<p>Khoản 4, Điều 4. Mời họp ĐHĐCĐ</p> <p>4. Trong điều kiện bình thường, thông báo mời họp ĐHĐCĐ phải được gửi ít nhất 15 ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</p>	K3, Đ 18, TT 95	QTK	
5	<p>Khoản 3, Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ</p> <p>3. Cổ đông không thể tham dự ĐHĐCĐ có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự, việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải được lập thành văn bản theo mẫu của Tổng công ty. Việc ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy</p>	<p>Khoản 5.3, Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ</p> <p>5.3. Cổ đông không thể tham dự ĐHĐCĐ có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự, việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải được lập thành văn bản theo mẫu của Tổng công ty. Việc ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 15 Điều lệ Tổng công ty. <i>Cụ thể như sau:</i></p>	K1, Điều 8 ND 71/2017/ND-CP quy định Quy chế quản trị nội bộ phải quy định về thủ tục ủy quyền	TCLĐ

<p>định tại Điều 15 Điều lệ Tổng công ty.</p>	<p>5.3.1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp ĐHĐCĐ. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại Khoản 4 Điều này thì ủy quyền người khác dự họp ĐHĐCĐ. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông.</p> <p>5.3.2. Việc chỉ định đại diện được ủy quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu của Tổng Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a) Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.</p> <p>5.3.3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng Công ty).</p> <p>5.3.4. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy</p>
<p>và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông</p>	

quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Tổng Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc ngày được cấp Giấy đăng ký doanh nghiệp của cổ đông;
- b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Tổng Công ty;
- c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo uỷ quyền;
- d) Số cổ phần được uỷ quyền đại diện;
- đ) Thời hạn đại diện theo uỷ quyền;
- e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Tổng Công ty phải gửi thông báo về người đại diện theo uỷ quyền quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

5.3.5. Trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực ngay cả khi người uỷ quyền đã:

- a) Chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
- c) Huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền;

Quy định này sẽ không áp dụng nếu Tổng Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp trên 48 (bốn mươi tám) giờ trước giờ khai

		<p>mạc cuộc họp ĐHĐCD hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p> <p>5.3.6. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp ĐHĐCD thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp ĐHĐCD thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.</p> <p>5.3.7. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; b) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp; c) Cổ đông nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không được cử vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại công ty khác; <p>5.3.8. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền cho tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản lý của tổ chức cử người đại diện theo ủy quyền, hoặc theo yêu cầu của cá nhân ủy quyền.</p> <p>5.3.9. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
--	--	--

		<i>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.</i>		
6	Điều 9. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ - Các kế hoạch dự kiến trong tương lai.	Điều 9. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ - Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT theo quy định tại Khoản 3 Điều 158 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty. - Các kế hoạch dự kiến trong tương lai.	Khoản 2, TT Điều 28, TT 95	QTK
7	Điều 10. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại ĐHĐCĐ - Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông.	Điều 10. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại ĐHĐCĐ - Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng thành viên kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông.	Đ 167 LDN	QTK
8	Khoản 1, Điều 11 - Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT: 1. Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố trên website của Tổng công ty hoặc dưới hình thức khác trước ngày triệu tập họp ĐHĐCĐ một khoảng thời gian hợp lý để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên trước khi bỏ phiếu.	Khoản 1, Điều 11 - Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT: “1. Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên website của Tổng công ty hoặc dưới hình thức khác để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm: - Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; - Trình độ chuyên môn; - Quá trình công tác; - Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.”	ND 71/2017/ND-CP	TCLĐ, QTK
9	Khoản 5, Điều 14. Bầu thành viên HĐQT thay thế 5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên HĐQT mới để thay thế chỗ trống phát sinh trong HĐQT và thành viên này phải được chấp thuận tại ĐHĐCĐ ngay tiếp sau đó. Sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận, việc bổ	Khoản 5, Điều 14. Bầu thành viên HĐQT thay thế Đề nghị bỏ	LDN, ND 71 và TT 95 không có nội dung này	TCLĐ

	<p>nhịệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được ĐHĐCĐ chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra ĐHĐCĐ có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</p>			
10	<p>Điều 15. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Khoản 1. Không có</p> <p>Khoản 4. Không có</p> <p>Khoản 6. Không có</p>	<p>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị trong Công ty.</p> <p>4. Thành viên HĐQT báo cáo kịp thời và đầy đủ HĐQT các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty (nếu có).</p> <p>6. Thành viên HĐQT có thể được Tổng Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	<p>Khoản 1, Đ 14, ND 71;</p> <p>Điểm c, K2, Điều 14, ND71</p> <p>K3, DD14, ND 71</p>	QTK
11	<p>Khoản 3, Điều 16 – Trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT:</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Tổng Công ty và quyết định của ĐHĐCĐ quy định. HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ cụ thể theo Điều 26 Điều lệ Tổng công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng công ty Khoáng sản - TKV đã được ban hành tại Quyết định số 04/QĐ-VIMICO ngày 15/10/2015.</p>	<p>Khoản 3, Điều 16 – Trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT:</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Tổng Công ty và quyết định của ĐHĐCĐ quy định. HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ cụ thể theo Điều 26 Điều lệ Tổng công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng công ty Khoáng sản - TKV đã được ban hành tại Quyết định số 04/QĐ-VIMICO ngày 15/10/2015.</p> <p>Ngoài ra, HĐQT có nghĩa vụ xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>ND 71/2017/ND-CP</p>	TCLĐ
12	<p>Điều 17. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT</p> <p>Khoản 1</p>	<p>Điều 17. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT</p> <p>Khoản 1</p>	<p>Điểm f, K3, Điều 26, TT</p>	QTK

	Điểm h (không có)	Điểm h.. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT.	95	
13	Điều 26. Quyền và nhiệm vụ, cơ chế hoạt động của Ban kiểm soát Không có nội dung này	<p>Điều 26. Quyền và nhiệm vụ, cơ chế hoạt động của Ban kiểm soát</p> <p>Ngoài ra, còn có các quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; - Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình; - Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cổ đông; - Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả; - Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 10 Nghị định 71/2017/NĐ-CP. 	ND 71/2017/ND-CP	TCLD
14	Khoản 3, Điều 27 - Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi: 3. Tổng Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân nào mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được ĐHĐCĐ chấp thuận.	<p>Khoản 3, Điều 27 - Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi:</p> <p>“3.1. Tổng công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.</p> <p>3.2. Tổng công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ trường hợp cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là các công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của Tổng công ty trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp.</p> <p>3.3. Tổng công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo</p>	Đ26, ND 71/2017	TCLD

			lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ trường hợp Tổng công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty".		
--	--	--	---	--	--



Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2018

TỜ TRÌNH**Về Hợp đồng tiêu thụ phôi thép với Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ hai được ban hành kèm theo Quyết định số 780/QĐ-VIMICO ngày 05/9/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 229/QĐ-VIMICO ngày 11/12/2015 về quy chế quản lý công tác tiêu thụ sản phẩm Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP;

Theo quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp thì các hợp đồng mua bán giữa Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP (VIMICO) với Công ty CP Gang thép Cao Bằng (GTCB) là giao dịch giữa các thành viên có lợi ích liên quan nên phải được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) VIMICO hoặc Hội đồng quản trị (HĐQT) VIMICO chấp thuận.

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp và Điểm p) Khoản 2 Điều 14 Điều lệ Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP thì HĐQT VIMICO có quyền xem xét, quyết định các hợp đồng, giao dịch mua bán có giá trị $\geq 35\%$ tổng giá trị tài sản của VIMICO, không phụ thuộc vào việc các hợp đồng, giao dịch này được ký kết giữa các thành viên có lợi ích liên quan hay không.

Hợp đồng mua bán phôi thép cả năm giữa VIMICO và Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng có giá trị mua bán $\geq 35\%$ tổng giá trị tài sản của VIMICO theo Báo cáo tài chính gần nhất nên thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của HĐQT VIMICO.

HĐQT Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 xem xét thông qua nội dung như sau:

“Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP ký kết hợp đồng nguyên tắc để trực tiếp tiêu thụ toàn bộ lượng phôi thép do Công ty CP Gang thép Cao Bằng sản xuất trong năm 2018 và các năm tiếp theo trên cơ sở Điều lệ Tổng công ty và nguyên tắc công khai, minh bạch, giá thị trường. HĐQT ủy quyền cho HĐQT Tổng công ty phê duyệt kế hoạch và phương thức bán sản phẩm hàng năm.”

(Dự thảo hợp đồng mua bán phôi thép kèm Tờ trình).



Kính trình Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT;

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**


Trần Quốc Lộc





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

“Dự thảo”
HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC
MUA BÁN PHÔI THÉP

Số:/HĐNT/20....

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại số 03/VBHN-VPQH ngày 28/6/2017 của Văn phòng Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam hợp nhất Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của nước CHXHCN Việt Nam với Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017 của nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết sốNQ - ĐHĐCĐ ngày...../...../2018 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 của Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số 225/NQ - ĐHĐCĐ ngày 29/5/2015 của đại hội cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty CP Gang thép Cao Bằng;

Căn cứ khả năng và nhu cầu của các bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 20....., tại trụ sở Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP, chúng tôi gồm:

Bên Bán : CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG

(Sau đây gọi là bên A)

Địa chỉ : 52 Phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, TP. Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Điện thoại : 0206.3953.369

Fax: 0206.3953.268

Mã số thuế : 4800162247

Tài khoản số : 33010000017892, tại Ngân hàng Đầu tư & Phát triển tỉnh Cao Bằng.

Đại diện : Ông **Vương Thanh Giang**

Chức vụ: Giám đốc.

Bên Mua : TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

(Sau đây gọi là bên B)

Địa chỉ : 193 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

Điện thoại : 024.6285.6561

Fax: 024.6285.6512

Mã số thuế : 0100103087.

Tài khoản : 16010000073585, tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch 3.

Đại diện : Ông **Nguyễn Tiến Mạnh**

Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng kinh tế mua bán phôi thép (sau đây gọi là “Hợp đồng”) với các điều kiện và điều khoản sau:

Điều 1: Tên hàng hóa mua bán

Phôi thép các loại, sản xuất tại Nhà máy Gang thép Cao Bằng.

Điều 2: Quy cách, chất lượng hàng hóa

2.1. Quy cách hàng hóa: Phôi vuông, dạng hàng rời không bao bì.

Kích thước các cạnh: 150 mm x 150 mm.

Dung sai kích thước: +/- 5 mm

Chiều dài: Theo đơn đặt hàng của bên B, nhưng không quá 6.300 mm.

Dung sai chiều dài: +/- 100 mm



Sai khác đường chéo: Tối đa 10 mm.

Bán kính góc lượn hoặc vát góc: $R \leq 15$ mm.

Tổng độ cong: Tối đa 10 mm/mét.

Độ xoắn: Tối đa 01 độ/mét.

Điều kiện bề mặt: Không cong vênh, vết nứt, vết gấp, không bị rỉ với lỗ khí quá 2mm. Hai đầu phôi không bị co. Bề mặt sạch, không bám vảy sắt.

Đánh dấu, ghi mã số: Theo quy định của nhà sản xuất. Bên A ghi rõ số lô, số mẻ luyện trên từng thanh phôi thép để tạo thuận lợi cho bên B khi kiểm tra chất lượng lô hàng.

(Quy cách hàng hóa thực tế có thể có thay đổi so với quy cách hàng hóa công bố trong Hợp đồng, tùy từng Phụ lục hợp đồng.)

2.2. Chất lượng hàng hóa:

Theo đơn đặt hàng của bên B và được bên A chấp nhận, trên cơ sở các tiêu chuẩn hiện hành của Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Nga, Hoa Kỳ, Đức, Ý, Pháp, Anh, EU hoặc các tiêu chuẩn đang áp dụng khác cho từng mác thép cụ thể; tối thiểu 01 tháng trước ngày giao hàng sớm nhất và được quy định cụ thể theo từng Phụ lục hợp đồng.

Điều 3: Số lượng hàng hóa

Tổng lượng hàng hóa mua bán: **200.000 tấn \pm 5%** (Hai trăm nghìn tấn cộng/trừ năm phần trăm).

Điều 4: Đơn giá và Giá trị Hợp đồng

4.1. Đơn giá:

4.1.1. Đơn giá tạm tính:

- Áp dụng năm 2018: 10.495.000 đồng/tấn. [Đơn giá tiêu thụ theo kế hoạch SX-KD năm 2018 của Bên A]

(Bằng chữ: Mười triệu, bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng trên tấn).

- Áp dụng các năm tiếp theo: đồng/tấn [Đơn giá tiêu thụ theo kế hoạch SX-KD hàng năm của Bên A]

(Bằng chữ: đồng trên tấn).

4.1.2. Đơn giá chính thức:

- Đơn giá chính thức (P_{off}): Theo giá thị trường, phù hợp với Quy chế tiêu thụ sản phẩm của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP ban hành theo Quyết định số 229/QĐ - VIMICO ngày 11/12/2015, được quy định chi tiết theo từng đơn đặt hàng trong các Phụ lục hợp đồng kèm theo.

Các mức đơn giá tạm tính và/hoặc chính thức trên đây được hiểu là chưa bao gồm thuế VAT, các loại thuế, phí và lệ phí khác (nếu có).

4.2. Giá trị tạm tính của Hợp đồng:

4.2.1. Giá trị tạm tính của Hợp đồng năm 2018:

Giá trị hàng hóa chưa VAT: 200.000 tấn \times 10.495.000 đ/tấn = 2.099.000.000.000 đ

Thuế VAT 10%: = 209.900.000.000 đ

Tổng giá trị tạm tính Hợp đồng: = 2.308.900.000.000 đ

(Bằng chữ: Hai nghìn ba trăm linh tám tỷ, chín trăm triệu đồng.)

4.2.2. Giá trị tạm tính Hợp đồng của các năm tiếp theo:

Giá trị hàng hóa chưa VAT: tấn \times đ/tấn = đ

Thuế VAT 10%: = đ

Tổng giá trị tạm tính Hợp đồng: = đ

(Bằng chữ: đồng.)

Các giá trị trên đây là giá trị tạm tính của Hợp đồng, giá trị chính thức của Hợp đồng được xác định cụ thể theo khối lượng giao nhận chính xác và đơn giá chính thức của từng Phụ lục Hợp đồng.

Điều 5: Thời gian/Phương thức giao nhận hàng hóa

5.1. Thời gian giao nhận hàng: Theo đơn đặt hàng của bên B, từ ngày 01 tháng 01 năm

20..... đến không muộn hơn ngày 31 tháng 12 năm 20.....

5.2. Phương thức giao nhận:

Hàng hóa trong Hợp đồng được giao nhận thành một (01) hoặc nhiều lô hàng trên phương tiện vận tải của bên B (hoặc của người nhận hàng theo chỉ định của bên B) đến kho bên A tại địa chỉ Nhà máy Gang thép Cao Bằng - Km 7, Quốc lộ 4A, xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Khối lượng giao nhận mỗi lô hàng không dưới 1.000 tấn - 5% (hoặc lượng hàng mua bán, nếu số lượng đặt hàng dưới 1.000 tấn). Chi phí nâng hàng từ kho bãi của bên A lên phương tiện vận tải của bên nhận hàng do bên A chịu.

5.3. Kế hoạch giao nhận hàng hóa:

Hai bên thống nhất cụ thể khối lượng và lịch giao nhận mỗi lô hàng ít nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước khi tiến hành giao nhận lô hàng đó. Trước khi giao hàng ít nhất 02 (hai) ngày bên B thông báo cho bên A biết số lượng hàng hóa sẽ giao nhận bằng Lệnh xuất kho cho người nhận hàng theo chỉ định của bên B.

5.4. Xác nhận khối lượng:

Khối lượng hàng được xác định thực tế qua cân điện tử tại nơi giao nhận, hoặc là tại kho của bên A hoặc tại điểm giao nhận khác khi có thỏa thuận. Bên B cử cán bộ của mình (hoặc đại diện có thẩm quyền nhận hàng theo chỉ định của bên B trong Lệnh xuất kho) đến địa điểm giao nhận hàng để phối hợp với bên A theo dõi, thống kê và lập Biên bản giao nhận hàng hóa. Biên bản giao nhận hàng hóa thể hiện rõ số lượng thanh phối thép; khối lượng từng thanh phối cho từng xe hàng và tổng khối lượng thực tế của lô hàng.

Khi giao nhận hàng, hai bên xác nhận tổng khối lượng của mỗi xe hàng/mỗi lô hàng bằng phương pháp cộng (+) khối lượng của từng thanh phối được ghi theo từng mã kiện hàng (các kiện hàng đã được đánh dấu, ghi mã số và cân trước tại Nhà máy sản xuất của bên A) cho từng xe hàng cho cho toàn bộ lô hàng. Tổng khối lượng của mỗi xe hàng/mỗi lô hàng phải được thể hiện chi tiết trong Biên bản giao nhận giữa hai bên. Khối lượng chính thức để hai bên thanh quyết toán giá trị mỗi lô hàng là tổng khối lượng hàng hóa được xác định thực tế qua cân điện tử tại nơi giao nhận cho lô hàng đó.

5.6. Xử lý chênh lệch khối lượng:

Bên B (hoặc người nhận hàng theo chỉ định của bên B) có thể kiểm tra khối lượng từng thanh phối và/hoặc tổng khối lượng mỗi xe hàng/lô hàng ngay tại địa điểm giao nhận hàng. Trong trường hợp phát hiện có sự sai lệch lớn về khối lượng/tổng khối lượng (vượt quá dung sai $\pm 2\%$) so với khối lượng/tổng khối lượng đã xác định trước của bên A thì bên B (hoặc người nhận hàng theo chỉ định của bên B) phải giữ nguyên hiện trạng của hàng hóa và thông báo ngay cho bên A biết để cùng kiểm tra xử lý.

Điều 6: Phương thức thanh toán

Tùy theo từng đơn đặt hàng cụ thể của bên B, hai bên sẽ thống nhất phương thức thanh toán là “thanh toán trước hoặc sau khi giao nhận hàng hóa” hoặc “thanh toán bằng đối trừ công nợ” giữa Bên A và Bên B.

6.1. Thanh toán sau khi giao nhận hàng hóa:

Tùy theo từng đơn đặt hàng cụ thể của bên B, hai bên sẽ quy định về số ngày thanh toán chậm trả tối đa cho mỗi đơn hàng trong từng Phụ lục hợp đồng, trên cơ sở không tính lãi cho từng lô hàng giao nhận kể từ ngày hoàn thành giao nhận lô hàng đó.

Ngày hoàn thành giao nhận lô hàng được tính là ngày thứ nhất để tính toán ngày đáo hạn thanh toán giá trị chính thức. Nếu ngày đáo hạn thanh toán trùng vào ngày lễ hay ngày nghỉ thì ngày cuối cùng bên B phải thanh toán là ngày làm việc ngay trước liền kề.

6.2. Thanh toán bằng đối trừ công nợ:

Tùy theo từng đơn đặt hàng cụ thể của bên B, trên cơ sở số dư công nợ giữa hai bên vào thời điểm bên B đặt hàng và giá cả hàng hóa trên thị trường cùng thời điểm đó, hai bên sẽ quy định cụ thể về phương thức “thanh toán bằng đối trừ công nợ” trong từng Phụ lục hợp đồng.

Ngày lập và ký kết Biên bản quyết toán sau khi hoàn thành giao nhận lô hàng được tính là ngày để hai bên xác lập sự thay đổi số dư công nợ đã phát sinh từ việc bên A giao lô hàng hóa đó cho bên B.

6.3. Biên bản quyết toán, hóa đơn giá trị gia tăng:

6.3.1. Thời hạn lập và ký kết Biên bản quyết toán: Trong vòng 02 (hai) ngày làm việc sau khi hai bên hoàn thành việc giao nhận mỗi lô hàng.

6.3.2. Hóa đơn giá trị gia tăng:

Bên A xuất hóa đơn giá trị gia tăng chính thức cho bên B ngay sau khi hai bên lập và ký kết Biên bản quyết toán, theo khối lượng hàng thực tế (Q_{act}) đã giao nhận.

6.3.3. Giá trị của lô hàng:

Giá trị chính thức (V_{off}) của mỗi lô hàng đã giao nhận được tính theo công thức sau:

$$V_{off} = Q_{act} \times P_{off} \times 1,1$$

6.4. Chi phí liên quan:

Toàn bộ các chi phí và/hoặc phí ngân hàng để chuyển tiền thanh toán thuộc trách nhiệm của bên nào do bên đó chịu.

Điều 7: Giám định, xác định chất lượng và bảo hành hàng hóa

7.1. Giấy chứng nhận chất lượng:

Bên A cung cấp cho bên B (hoặc người nhận hàng theo chỉ định của bên B) toàn bộ các giấy chứng nhận chất lượng (*Mill test*) của Nhà máy sản xuất cho từng lô hàng ngay sau khi hoàn thành giao nhận lô hàng đó. Trường hợp đơn đặt hàng của bên B có yêu cầu về giám định chất lượng bổ sung bởi một trong các cơ quan giám định độc lập đang hoạt động tại Việt Nam phải do bên A thực hiện trước khi giao hàng thì chi phí cho công tác giám định này do bên A chịu.

7.2. Giám định lại và Quy trình giải quyết khiếu nại chất lượng:

7.2.1. Giám định lại:

Bên B (hoặc người nhận hàng theo chỉ định của bên B) có quyền tự giám định lại hoặc yêu cầu một tổ chức giám định độc lập đang hoạt động tại Việt Nam giám định lại chất lượng hàng hóa tại địa điểm nhận hàng hoặc tại kho bãi của mình, theo quy trình lấy mẫu và giám định của họ. Bên B chịu mọi chi phí liên quan tới công tác giám định lại này.

7.2.2. Quy trình giải quyết khiếu nại chất lượng:

Nếu có sai khác về chất lượng thì bên B phải gửi văn bản khiếu nại chất lượng cho bên A kèm theo chứng thư/báo cáo giám định lại của tổ chức giám định độc lập (hoặc kết quả tự giám định lại) trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày hai bên hoàn thành giao nhận lô hàng. Quá thời hạn trên mà bên B không có văn bản khiếu nại thì coi như bên B công nhận chất lượng hàng hóa phù hợp với giấy chứng nhận chất lượng (*Mill test*) của Nhà máy sản xuất của bên A và/hoặc chứng thư/báo cáo giám định của tổ chức giám định độc lập do bên A mời (nếu có) như quy định tại Khoản 7.1 Điều 7 Hợp đồng.

Bên A có nghĩa vụ giải quyết khiếu nại chất lượng của bên B trong vòng 05 (năm) ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày bên A nhận được văn bản khiếu nại của bên B. Quá thời hạn giải quyết nói trên mà bên A không xác minh khiếu nại của bên B thì coi như bên A đồng ý với khiếu nại của bên B.

Trường hợp bên A không đồng ý với khiếu nại chất lượng của bên B thì bên A phải ra văn bản thông báo không chấp nhận khiếu nại của bên B. Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày có văn bản thông báo của bên A hai bên thống nhất một trong số các cơ quan giám định như quy định tại Khoản 7.3 Điều 7 Hợp đồng để tiến hành lấy mẫu và giám định theo thời gian do cơ quan này chỉ định và theo quy trình của họ, dưới sự chứng kiến và giám sát của hai bên. Kết quả giám định của cơ quan giám định đã lựa chọn là bắt buộc đối với các bên.

Trên cơ sở kết quả giám định chất lượng của cơ quan giám định được hai bên nhất trí lựa chọn này, nếu chứng thư/báo cáo giám định chứng minh có lỗi về hàng hóa thì bên A

phải thanh toán các chi phí giám định liên quan. Ngược lại, nếu chứng thư/báo cáo giám định chứng minh là hàng hóa phù hợp thì các chi phí giám định liên quan do bên B tự chịu.

7.3. Cơ quan giám định:

Cơ quan giám định độc lập được hai bên nhất trí lựa chọn làm cơ quan giám định chính thức đối với chất lượng hàng hóa (trong trường hợp xảy ra tranh chấp chất lượng hàng hóa) là một trong các đơn vị sau:

a) Trung tâm thử nghiệm - kiểm định công nghiệp thuộc Viện Cơ khí Năng lượng và Mô - Vinacomin - Địa chỉ: số 565, Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội (sau đây gọi là TVCI);

b) Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Vinacontrol Hà Nội - Địa chỉ: Số 96, Yết Kiêu, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội (sau đây gọi là Vinacontrol);

c) Chi nhánh Công ty CP Giám định Đại Việt tại Hà Nội - Địa chỉ: 10/3 Đặng Văn Ngữ, phường Trung Tự, quận Đống Đa, TP. Hà Nội (sau đây gọi là Davicontrol);

d) Công ty TNHH SGS Việt Nam - Địa chỉ: 119 - 121 Võ Văn Tần, phường 06, quận 3, TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi là SGS Việt Nam).

e) Văn phòng Việt Nam của Tập đoàn Alfred H Knight - Địa chỉ số 10 ngõ 9/2, đường Bùi Thị Tự Nhiên, phường Đông Hải 1, quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam. (sau đây gọi là AHK Việt Nam).

7.4. Bên B có quyền trả lại bên A toàn bộ số phôi thép không đạt chất lượng (nếu có). Bên A có trách nhiệm nhận lại số lượng phôi thép không đạt chất lượng này (nhận hàng trên phương tiện của bên A tại kho bên B hoặc tại kho của người nhận hàng theo chỉ định của bên B) hoặc bán lại cho bên B theo giá thép phế hiện tại trên thị trường, tùy theo thỏa thuận giữa hai bên tại thời điểm phát sinh.

7.5. Bảo hành hàng hóa: Trong quá trình cán kéo sản phẩm tại nhà máy sản xuất của bên B (hoặc của khách hàng mua phôi từ Bên B), nếu có hiện tượng vỡ, gãy thanh phôi thì bên B có trách nhiệm dừng ngay việc sử dụng hàng hóa, giữ nguyên trạng hàng hóa vào thời điểm đó và ngay lập tức thông báo cho bên A được biết để phối hợp xử lý. Hai bên chủ động gặp nhau vào thời gian thích hợp tại nhà máy sản xuất của bên B để bàn bạc, thảo luận và thực hiện các giải pháp xử lý vấn đề phát sinh trên tinh thần giảm thiểu tối đa các tổn thất phát sinh cho mỗi bên (nếu có).

7.6. Các văn bản liên quan tới quy trình giải quyết khiếu nại chất lượng được chấp nhận dưới dạng bản fax hay e-mail để kịp thời giải quyết, nhưng bản chính phải được gửi cho bên kia ngay khi có.

Điều 8: Luật điều chỉnh và giải quyết tranh chấp

8.1. Hợp đồng được điều chỉnh theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

8.2. Các trường hợp bất khả kháng của Hợp đồng được thực hiện theo Điều khoản bất khả kháng của Phòng Thương mại Quốc tế (ấn phẩm số 421 của ICC), nếu Điều khoản bất khả kháng này không mâu thuẫn với các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

8.2.1. Các sự kiện bất khả kháng bao gồm, nhưng không chỉ duy nhất các sự kiện như: thiên tai (lũ lụt, động đất, hỏa hoạn, phun trào núi lửa, sóng thần); dịch họa; tội phạm; nổi loạn; khởi nghĩa; nổi dậy; bom mìn còn sót lại sau chiến tranh; khủng bố; hành động của kẻ thù nước ngoài; thù nghịch (có hoặc không có tuyên bố chiến tranh); chiến tranh; sức mạnh quân sự; tiềm nghịch; sung công; quốc hữu hóa; trừng phạt của chính quyền; bao vây; cấm vận; tranh chấp lao động; bãi công; đình công; đóng cửa doanh nghiệp hoặc bất kỳ nguyên nhân nào khác vượt quá sự kiểm soát của các bên.

8.2.2. Không bên nào phải chịu trách nhiệm cho việc không thực hiện các nghĩa vụ của mình trong Hợp đồng khi nguyên nhân của việc không thực hiện đó xuất phát từ hậu quả của sự kiện bất khả kháng. Không bên nào có quyền chấm dứt hợp đồng theo Điều 9 Hợp đồng trong những hoàn cảnh như vậy.

8.2.3. Bất kỳ bên nào đưa ra khẳng định bất khả kháng như là lý do để biện minh cho việc không thực hiện và/hoặc thực hiện không đầy đủ các nghĩa vụ của mình có trách nhiệm trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện bất khả kháng phải chứng minh bằng văn bản và/hoặc bằng chứng cứ rằng các biện pháp hợp lý đã được thực hiện (tùy theo hoàn cảnh) để giảm thiểu sự chậm trễ hay các tổn thất phát sinh ra từ các sự kiện có thể dự đoán trước, rằng tất cả các bên phân không thể được miễn trách nhiệm đã được thực thi đầy đủ, và bên kia đã được thông báo kịp thời về sự kiện có thể xảy ra hay sự kiện đã xảy ra trên thực tế và chúng là có thể biện minh cho khẳng định như vậy, sao cho các cảnh báo thận trọng khác có thể được coi là đã có.

8.2.4. Trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi sự kiện bất khả kháng qua đi, bên rơi vào tình trạng bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các bên phân và nghĩa vụ của mình đã quy định trong Hợp đồng.

8.3. Hai bên sẽ chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện Hợp đồng. Nếu có vấn đề gì bất lợi phát sinh hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực bàn bạc giải quyết. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề gì vướng mắc thì hai bên sẽ chủ động gặp nhau để bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thỏa thuận, bình đẳng và cùng có lợi.

8.4. Trong trường hợp hai bên không tự giải quyết được thì trong vòng 30 (ba mươi) ngày một trong hai bên có quyền đưa đơn đến tòa án có thẩm quyền để giải quyết. Phán quyết của tòa án là phán quyết cuối cùng, có hiệu lực đối với cả hai bên và buộc các bên phải tuân thủ. Bên thua phải chịu toàn bộ án phí để giải quyết vụ việc.

Điều 9: Hiệu lực của Hợp đồng và chấm dứt Hợp đồng

9.1. Hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày .../.../20.... hoặc sau khi hai bên hoàn thành các nghĩa vụ của mình - tùy theo điều kiện nào xảy ra sau.

9.2. Hợp đồng đương nhiên chấm dứt trong các trường hợp sau:

9.2.1. Khi kết thúc thời hạn hiệu lực quy định tại Điều 9 Hợp đồng hoặc khi các bên hoàn tất mọi nghĩa vụ của mình theo quy định trong Hợp đồng, tùy theo điều kiện nào xảy ra sau.

9.2.2. Khi một trong hai bên chấm dứt hoạt động theo Luật Doanh nghiệp 2014 (hoặc các văn bản pháp quy bổ sung, sửa đổi - nếu có), hoặc khi các bên thỏa thuận bằng văn bản để chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

9.2.3. Hai bên lập và ký kết Biên bản thanh lý Hợp đồng trong vòng 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày Hợp đồng chấm dứt trong trường hợp quy định tại Khoản 9.2 Điều 9 Hợp đồng.

9.3. Đơn phương chấm dứt Hợp đồng, phạt vi phạm, hủy bỏ Hợp đồng:

9.3.1. Một trong các bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng hoặc hủy bỏ Hợp đồng nếu bên còn lại vi phạm việc thực hiện bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng và không khắc phục vi phạm đó trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày bên bị vi phạm ra văn bản thông báo, trong đó nêu rõ vi phạm đó. Bên vi phạm phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điểm 9.3.3 Khoản 9.3 Điều 9 Hợp đồng và phải chịu phạt vi phạm theo quy định tại Điểm 9.3.4 Khoản 9.3 Điều 9 Hợp đồng. Trong trường hợp này, các bên có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho bên kia biết trước thời điểm chấm dứt Hợp đồng ít nhất là 10 (mười) ngày.

9.3.2. Các bên không được phép đơn phương chấm dứt Hợp đồng/hủy bỏ Hợp đồng nếu không phải trường hợp quy định tại Điểm 9.3.1 Khoản 9.3 Điều 9 Hợp đồng. Nếu bên nào đơn phương chấm dứt Hợp đồng/hủy bỏ Hợp đồng trái quy định thì phải bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại do việc đơn phương chấm dứt Hợp đồng/hủy bỏ Hợp đồng gây ra cho bên kia.

9.3.3. Nếu một trong hai bên không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm trong Hợp đồng hoặc đơn phương chấm dứt Hợp đồng/hủy bỏ Hợp đồng mà không có lý do chính đáng (lý do bất khả kháng) dẫn đến thiệt hại về kinh tế cho bên kia thì phải chịu bồi thường toàn bộ

giá trị thiệt hại đó do việc không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm trong Hợp đồng hoặc đơn phương chấm dứt Hợp đồng/hủy bỏ Hợp đồng gây ra cho bên kia, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành về bồi thường thiệt hại;

9.3.4. Nếu bên A không giao hàng hoặc bên B phát hiện thấy hàng hóa giao không đủ số lượng đã ghi trong Hợp đồng hoặc không đạt yêu cầu về chất lượng đã ghi trong Hợp đồng thì bên A phải thực hiện cấp đủ số lượng hàng còn thiếu và thay thế số hàng hóa không đạt chất lượng, đồng thời bị phạt 3% giá trị phần hàng hóa không đủ số lượng hoặc không đạt yêu cầu chất lượng đó.

Điều 10: Điều khoản chung

10.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản trong Hợp đồng. Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng (nếu có) phải được sự đồng ý bằng văn bản của hai bên.

10.2. Tất cả các thông báo theo Hợp đồng phải được gửi theo đường bưu điện, fax hoặc gửi trực tiếp cho đại diện có thẩm quyền của mỗi bên theo địa chỉ ghi trong Hợp đồng.

10.3. Hợp đồng được lập thành 08 (tám) bản bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi bên giữ 04 (bốn) bản để cùng thực hiện.

ĐỂ LÀM BẰNG, các Bên thống nhất ký kết Hợp đồng vào ngày tháng năm ghi tại phần phía trên Hợp đồng này./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN BÊN B
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Vương Thanh Giang

Nguyễn Tiến Mạnh



Số: 466/TTr - VIMICO

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2018

TỜ TRÌNH

**V/v thông qua Hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến khoáng sản năm 2018
với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ hai được ban hành kèm theo Quyết định số 780/QĐ-VIMICO ngày 05/9/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP,

Hội đồng quản trị báo cáo, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua các nội dung Hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến khoáng sản năm 2018 giữa Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP và cổ đông là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam với những nội dung điều khoản như bản dự thảo Hợp đồng kèm theo.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT;

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Quốc Lộc

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

(DỰ THẢO)

HỢP ĐỒNG
KHAI THÁC, SÀNG TUYỂN, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NĂM 2018
Số: /2018/HĐKD

I. CÁC CĂN CỨ ĐỂ KÝ HỢP ĐỒNG

Luật thương mại được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 212/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV);

Căn cứ Quyết định số 2288/QĐ-TKV ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2017 của Tập đoàn các công ty TKV (Tổ hợp công ty mẹ - Công ty con Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam);

Căn cứ thỏa thuận chung ngày 25/12/2017 về thực hiện Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2018;

Hôm nay, ngày 25 tháng 12 năm 2017, tại TP Hạ Long - tỉnh Quảng Ninh, Chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) là Công ty TNHH 1 TV do Nhà nước làm chủ sở hữu, được Nhà nước giao nhiệm vụ thực hiện chức năng chủ thể quản lý tài nguyên khoáng sản than,... với mục tiêu phát triển công nghiệp than và các ngành, nghề khác một cách bền vững; đáp ứng nhu cầu than của nền kinh tế; hoàn thành các nhiệm vụ do Nhà nước giao. Trong Hợp Đồng này TKV là **Bên A**.

Địa chỉ: Số 226, đường Lê Duẩn, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại số: (84)4.5180141-(84)4.8510780, Fax (84) 4.510724

Tài khoản số: 102010000011613 mở tại Ngân hàng công thương Hoàn Kiếm Hà Nội.

Mã số thuế doanh nghiệp: 5700100256

Đại diện là Ông: Đặng Thanh Hải. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

2. Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP (VIMICO) là một công ty có tư cách pháp nhân Việt Nam, chuyên ngành khai thác mỏ, chế biến và kinh doanh các sản phẩm Khoáng sản tự nguyện tham gia hợp đồng phối hợp kinh doanh; trong Hợp Đồng này Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP được gọi là **Bên B**.

Địa chỉ: Số 193 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84)4.62876666, Fax : (84)4.62883333

Mã số thuế doanh nghiệp: 0100103087

Tài khoản: 012010000029980

Đại diện là Ông:

Chức vụ: Tổng Giám đốc.

II. HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ HỢP ĐỒNG VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU:

Điều 1. Nội dung

1.1. Bên B đồng ý nhận khai thác, sàng tuyển, chế biến sản phẩm khoáng sản năm 2018 và giao cho Bên A với khối lượng, chất lượng và giá cả được quy định trong hợp đồng này (có Phụ lục kèm theo) và các văn bản hướng dẫn, quy định của TKV trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).

Bên A ủy quyền cho Bên B ký các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm Tinh quặng sắt, Vàng, bạc, A xít H₂SO₄, Thạch cao với các khách hàng. Bên B xây dựng phương án tiêu thụ, xác định giá báo cáo TKV xem xét thẩm định và ohee duyệt để áp dụng cho cả năm 2018.

1.2. Bên B có trách nhiệm hoàn thành tiến độ các công trình ĐTXD theo kế hoạch, đảm bảo năng lực khai thác, chế biến khoáng sản cho Bên A và bảo vệ môi trường.

Điều 2. Giá cả và giá trị thanh toán

2.1. Hai bên thỏa thuận và thống nhất rằng: Đối với sản phẩm: đồng tấm, Tinh quặng đồng giao nhận (mua bán) theo tiến độ, khối lượng và chất lượng trong Điều 1, bên A thanh toán trả cho bên B chi phí thực hiện các công đoạn sản xuất trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, bao gồm cả lợi nhuận định mức kế hoạch.

2.2. Điều chỉnh giá: Căn cứ tình hình thực hiện 9 tháng và dự kiến thực hiện cả năm, hai bên thống nhất điều chỉnh giá mua bán theo Quy chế quản trị quản trị chi phí kinh doanh của TKV ban hành, được áp dụng thống nhất trong Tập đoàn các công ty TKV và các văn bản hướng dẫn, điều chỉnh bổ sung (nếu có).

2.3. Bên B phải tổ chức quản trị chi phí, giá thành, giá bán theo các quy định hiện hành của Tập đoàn, có cơ chế điều tiết nội bộ lợi thế chênh lệch giữa các đơn vị khai thác tài nguyên có các điều kiện tự nhiên khác nhau nhằm tạo sự bình đẳng cho các đơn vị đồng thời tăng cường tích tụ vốn để đầu tư phát triển.

2.4. Bên B có trách nhiệm đóng góp vào các Quỹ, Chi phí tập trung của Tập đoàn các khoản sau đây:

- 0,1% doanh thu than, khoáng sản vào Chi phí cấp cứu mỏ của Tập đoàn.
- 1,5% doanh thu than, khoáng sản vào Chi phí thăm dò than - Khoáng sản của Tập đoàn.
- 1,0% doanh thu than, khoáng sản vào Chi phí môi trường Than – Khoáng sản Việt Nam để thực hiện các dự án môi trường Tập trung của Tập đoàn.
- 0,2% doanh thu than, khoáng sản vào Chi phí đào tạo, chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng CNVC của Tập đoàn các công ty TKV, trong đó có CNVC của bên B.

- Đóng góp vào Quỹ nghiên cứu khoa học của Tập đoàn để phục vụ cho công tác nghiên cứu, áp dụng các đề tài trong sản xuất kinh doanh theo Quy chế của HĐQT Tập đoàn ban hành tại Quyết định số 178/QĐ-TKV ngày 04/02/2015.

- 1,0% quỹ lương thực hiện vào Quỹ đổi mới cơ cấu lao động của Tập đoàn, trong đó có cả quyền lợi của bên B.

Điều 3. Phương thức nghiệm thu sản phẩm và thanh toán

3.1. Sản phẩm được công nhận là đã giao nộp cho bên A khi đã bốc trên phương tiện của khách hàng, phương tiện của bên A tại kho bên B; hoặc giao tại kho, bãi của Bên A và được bên A (hoặc đơn vị được bên A ủy quyền) chấp nhận.

3.2. 6 tháng và cả năm Bên A tổ chức kiểm tra, xác nhận tổng sản phẩm mà bên B đã giao nhận và các chỉ tiêu khác như đã thống nhất trong các phụ lục Hợp đồng này.

3.3. Bên A thanh toán tiền mua sản phẩm cho bên B theo điều khoản của Hợp đồng mua/bán với Khách hàng và với bên B.

3.4. Kết thúc năm, căn cứ vào khối lượng sản phẩm giao nộp theo quy định và các chỉ tiêu theo hợp đồng đã ký, hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng.

Điều 4. Nghĩa vụ và quyền lợi của các bên

4.1. Bên A

4.1.1. Có các nghĩa vụ sau:

4.1.1.1. Giao cho Bên B quản lý, sử dụng phần vốn của chủ sở hữu tại công ty để kinh doanh.

4.1.1.2. Thống nhất quản lý, hỗ trợ về công nghệ, quản lý và điều hành của Tập đoàn, bao gồm nhưng không giới hạn các công tác sau đây:

a. Tổ chức nghiên cứu và triển khai áp dụng công nghệ mới trong khai thác, chế biến khoáng sản và các sản phẩm khác.

b. Nghiên cứu hoàn thiện và nâng cao hiệu quả quản lý, áp dụng các phương pháp quản lý tiên tiến, hiện đại. Hướng dẫn, ban hành các quy chế, quy trình, quy định, định mức KTKT và đơn giá áp dụng trong phạm vi toàn Tập đoàn.

c. Giải quyết kịp thời các đề xuất, kiến nghị của Bên B trong các lĩnh vực đầu tư XD CB; an toàn lao động, quản lý lao động, tiền lương; công tác tổ chức cán bộ; công tác kế toán, tài chính và các công tác khác theo đúng Điều lệ TKV, quy chế, quy định hiện hành.

4.1.1.3. Hướng dẫn các công ty tham gia kế hoạch phối hợp kinh doanh thực hiện các cam kết trong các hợp đồng về cung ứng vật tư, hàng hoá, dịch vụ, xây dựng cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng công tác đào tạo nguồn nhân lực, phục vụ và chăm lo sức khỏe người lao động trong toàn Tập đoàn.

4.1.1.4. Các quyết định, văn bản hướng dẫn về điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch phối hợp kinh doanh, giá bán sản phẩm, cơ chế khuyến khích sản xuất - tiêu thụ, các văn bản hướng dẫn, quy định nội bộ có liên quan của Tổng Giám

độc TKV và/hoặc người được Tổng Giám đốc uỷ quyền đều được coi là phụ lục của Hợp đồng này.

4.1.2. Các quyền lợi:

4.1.2.1. Sử dụng các công cụ quản lý, điều tiết toàn ngành về tài nguyên, vốn, lao động, công nghệ, thị trường nhằm đảm bảo tăng trưởng, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh chung toàn Tập đoàn.

4.1.1.2. Tăng cường tích lũy vốn, đầu tư phát triển sản xuất, ...

4.1.1.3. Tổng Giám đốc TKV tự mình và/hoặc uỷ quyền cho các Phó Tổng Giám đốc, các viên chức thuộc bộ máy quản lý điều hành của TKV kiểm tra tiến độ thực hiện hợp đồng.

4.2. Bên B

4.2.1. Có các nghĩa vụ sau:

4.2.1.1. Bên B cam kết sử dụng mọi nguồn lực và các giải pháp quản lý trong phạm vi quyền hạn của mình được Pháp luật quy định để bảo vệ tài nguyên, ranh giới mỏ đã được Bộ Tài nguyên - Môi trường cấp phép và được bên A giao nhằm không để thất thoát khoáng sản hoặc để khai thác, vận chuyển, tiêu thụ khoáng sản trái phép trong phạm vi ranh giới mỏ, kho, bến cảng được giao quản lý.

4.2.1.2. Tuân thủ quy phạm kỹ thuật, quy trình công nghệ, cải thiện điều kiện kỹ thuật, điều kiện làm việc cho người lao động; là chủ thể chịu trách nhiệm chính đảm bảo an toàn lao động, an toàn về máy móc thiết bị, an toàn về vốn, bảo vệ môi trường.

4.2.1.3. Chuẩn bị đầy đủ các nguồn lực, bao gồm nhưng không giới hạn bởi đầu tư máy móc, thiết bị, chuẩn bị đủ nguồn nhân lực... để hoàn thành các chỉ tiêu đã cam kết tại Điều 1 và đảm bảo sự phát triển bền vững của đơn vị. Chủ động đổi mới công nghệ, tăng năng suất lao động, giảm tổn thất trong khai thác và tăng giá trị sản phẩm thu được sau chế biến so với năm trước.

4.2.1.4. Quản trị chặt chẽ khối lượng mỏ và chỉ tiêu công nghệ, chi phí theo Quy chế của HĐQT TKV ban hành và chịu trách nhiệm trước Tập đoàn và trước Pháp luật về số liệu do đơn vị tổng hợp, báo cáo. Trường hợp, Bên B báo cáo không đúng số liệu thực tế thực hiện thì sẽ phải tự chịu trách nhiệm theo quy định của TKV, của Nhà nước và tự chịu các chi phí phát sinh tăng, giảm nếu có theo quy định pháp luật hiện hành.

4.2.1.5. Đảm bảo các chế độ về ăn ca, ăn định lượng, bồi dưỡng độc hại, thu nhập của người lao động và lợi nhuận không giảm so với kế hoạch.

4.2.1.6. Thực hiện đầy đủ các quy định về điều hành sản xuất, tiêu thụ, chế độ báo cáo thống kê, các quy chế, quy định khác của TKV và Nhà nước đã ban hành. Duy trì tất cả các báo cáo và hồ sơ liên quan đến việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này, và giữ an toàn tất cả các bản vẽ, tài liệu liên quan đến thực hiện Hợp Đồng này.

4.2.1.7. Cho phép tiếp cận và cung cấp các thông tin hợp lý cho Đại diện của Bên A cũng như tất cả các đại diện được uỷ quyền hợp lệ của các cơ quan



Nhà nước Trung ương hay Địa phương, trong quá trình mà những cán bộ này tiến hành giám sát một cách hợp lý sản xuất kinh doanh của đơn vị.

4.2.1.8. Nộp thuế vào ngân sách Nhà nước theo quy định hiện hành.

4.2.2. Các quyền lợi:

4.2.2.1. Toàn quyền sử dụng tổng chi phí mà bên A thanh toán để chi trả theo yêu cầu sản xuất và theo chế độ quy định.

4.2.2.2. Chủ động điều hành quá trình sản xuất kinh doanh trên cơ sở thực hiện các điều khoản ghi trong hợp đồng này.

Điều 5. Thủ tục giải quyết các vướng mắc và trách nhiệm của các bên do vi phạm hợp đồng

5.1. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề bất lợi gì phát sinh, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và chủ động bàn bạc giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai bên (có biên bản ghi toàn bộ nội dung đó).

5.2. Trường hợp cần sửa đổi hợp đồng: khi cần thay đổi quy cách, chất lượng sản phẩm cho phù hợp với nhu cầu người tiêu dùng, ...

5.3. Bên nào đã ký hợp đồng mà không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ như đã thống nhất trong hợp đồng sẽ bị phạt vi phạm hợp đồng và bên vi phạm hợp đồng còn phải bồi thường cho bên kia những thiệt hại do vi phạm hợp đồng gây ra.

Trong đó:

a. Trường hợp Bên B để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép trong ranh giới mỏ và/hoặc để thất thoát sản phẩm trong quá trình khai thác, vận chuyển, tiêu thụ thì: Bên B phải bồi thường cho Bên A toàn bộ giá trị sản phẩm bị thất thoát và các chi phí liên quan khác.

b. Bên B phải chịu phạt vi phạm hợp đồng bằng 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm cho mỗi lần vi phạm (thực hiện theo quy định tại Điều 301- Luật thương mại năm 2005).

Điều 6. Thời hạn có hiệu lực của hợp đồng

Hợp đồng có giá trị hiệu lực từ ngày 01/01/2018 và thực hiện trong năm 2018. Hợp đồng được lập thành 6 bản mỗi bên 03 bản có giá trị ngang nhau./.

**ĐẠI DIỆN BÊN B
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC TKV**

Đặng Thanh Hải

PHỤ LỤC SỐ 01: TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH PHKD NĂM 2018

Đơn vị: Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018		Ghi chú
			Tổng số toàn Tcty	Trong đó, Cty mẹ	
I	Các sản phẩm chủ yếu				
1	Thành phẩm sản xuất				
	- Đồng thời 99,95%Cu	Tấn	12.000	12.000	
	- Tinh quặng đồng 25,5% Cu (NM1)	Tấn	47.060	47.060	
	- Tinh quặng đồng 22,7% Cu (NM2)	Tấn	26.180	26.180	
	- Kẽm thời 99,95%Zn	Tấn	11.000		
	- Thiếc thời 99,75 - 99,95%Sn	Tấn	300		
	- Phôi thép	Tấn	190.000		
	- Tinh quặng sắt 60%Fe	Tấn	173.930	99.850	
	- Vàng	Kg	585	585	
	- Bạc	-	470	470	
	- A-xit Sulfuric H ₂ SO ₄	Tấn	56.800	43.300	
2	Tiêu thụ				
	- Đồng thời 99,95%Cu	Tấn	12.000	12.000	
	- Tinh quặng đồng 22,7% Cu (NM2)	-	26.000	26.000	
	- Kẽm thời 99,95%Zn	-	11.000		
	- Thiếc thời 99,75 - 99,95%Sn	-	300		
	- Phôi thép	-	200.000		
	- Tinh quặng sắt 60%Fe	-	190.000	120.000	
	- Vàng	Kg	585	585	
	- Bạc	-	470	470	
	- A-xit Sulfuric H ₂ SO ₄	Tấn	56.000	45.000	
II	Các chỉ tiêu giá trị				
1	Doanh thu hợp nhất	Tr.đ	6.220.000	2.818.000	
	- Khoáng sản	-	6.030.000	2.692.000	
	- Sản xuất KD khác	-	190.000	126.000	
2	Tổng doanh thu toàn doanh nghiệp		6.337.712	2.818.000	
3	Tổng giá thành tiêu thụ	Tr.đồng	6.055.712	2.717.000	
3.1	Tổng chi phí sản xuất trong kỳ	Tr.đồng	6.115.689	2.615.356	
3.1.1	Chi phí trung gian		4.330.241	1.596.834	
	Nguyên liệu, vật liệu	"	1.881.109	840.378	
	Nhiên liệu	"	1.351.489	274.082	
	Điện động lực	"	425.098	157.557	
	Chi phí mua ngoài, thuê ngoài	"	416.669	53.529	
	Chi phí khác	"	1.016.978	779.275	
	Trong đó: Lãi vay	"	262.900	132.067	
3.1.2	Giá trị gia tăng		1.785.448	1.018.522	
	Tiền lương	"	481.321	207.174	
	BHXH, Y tế, KPCĐ	"	77.415	34.933	
	Khấu hao TSCĐ	"	465.611	268.427	
	Thuế trong giá thành		761.101	507.987	
3.2	Chênh lệch tồn kho đầu kỳ/cuối kỳ	Tr.đồng	137.844	53.008	
3.3	Chênh lệch dở dang đầu kỳ/cuối kỳ	"	(197.821)	48.636	
4	Lợi nhuận	Tr.đ	282.000	101.000	
	- Khoáng sản	-	274.000	100.000	

01001

TỔNG C
HOÁNG S

VIMI

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018		Ghi chú
			Tổng số toàn Tctv	Trong đó, Cty mẹ	
	- Sản xuất KD khác	-	8.000	1.000	
5	Tỷ lệ Lợi nhuận ĐMKH/Vốn chủ sở hữu	%	14,1		
6	Tỷ lệ đóng góp các quỹ tập trung				
	- Quỹ cấp cứu mỏ/DT khoáng sản	%	0,10	0,10	
	- Quỹ thăm dò tập trung/DT khoáng sản	-	1,50	1,50	
	- Quỹ hỗ trợ đào tạo + YT/DT	-	0,20	0,20	
	- Quỹ nghiên cứu khoa học (theo Quy chế của HĐQT tại QĐ số 178/QĐ-HĐQT ngày 04/02/2015)				
	- Quỹ môi trường/DT khoáng sản	-	1,00	1,00	
	- Quỹ đổi mới cơ cấu LĐ/Tổng quỹ lương		1,00	1,00	
7	Lao động, thu nhập và đơn giá tiền lương				
7.1	Lao động định mức	người	4.820	1.628	
7.2	Tiền lương bình quân	1000 đ/ng.th	8.322	10.605	
7.3	Đơn giá tiền lương				
	+ Sản xuất khoáng sản	đ/1000đ DT	78,87	75,79	
	+ Sản xuất kinh doanh khác	"	13,56		
7.5	Quỹ lương viên chức quản lý	tr.đồng	3.144	3.144	
8	Khấu hao tài sản				
	- Công ty trích khấu hao theo chế độ quy định				

Các thông số đầu vào chủ yếu tính giá thành

Các thông số kỹ thuật	Đơn vị	KH 2018	Ghi chú
Hệ số bóc đất	m ³ /t	5,02	
Tỷ lệ đất đá nổ mìn	%	82,89	
Tỷ lệ quặng nổ mìn	%	90,00	
Cung độ vận chuyển đất đá	km	3,03	
Cung độ vận chuyển QNK	"	2,05	
Giá cả đầu vào chủ yếu			
Dầu Diesel, không bao gồm VAT	đ/l	13.545	
Động lực, không b/gồm VAT	đ/kWh	1.600	
Chi phí phân bổ			
Lãi vay	tr.đ	130.067	
Cấp quyền khai thác khoáng sản	tr.đ	62.442	